

Bản án số: 193/2024/DS-PT
Ngày: 19/3/2024
V/v: “Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại về tài sản do nhà nước gây
ra.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Việt Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền

Bà Lê Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thế Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Đức Thành – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 731/DSPT ngày 29 tháng 12 năm 2023, về việc: “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do nhà nước gây ra.”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 3583/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 277/2024/QĐXXPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2009/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử phúc thẩm số 2194/TB-TA ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Xuân T, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: B T, Khu dân cư G, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Bích T1.

Địa chỉ: A P, phường G, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm: 1979, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Phạm Ngọc T2, sinh năm: 1964, chức vụ: Chuyên viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Văn bản số 10254/VPĐK-HC ngày 07/12/2022. (Có mặt)

Người làm chứng: Ông Lê Hồng S, sinh năm: 1971

Địa chỉ: T.01 C/c Samland 178/6 D, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đào Xuân T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2022, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đào Xuân T trình bày:

Ngày 17/03/2022, ông và bà Nguyễn Thị H lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng 03676, về việc phân chia nhà đất số B T, KDC G, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC984037, thửa đất: 238, tờ bản đồ: 70, diện tích: 300 m² đất ở tại đô thị, cấp ngày 02/02/2016, số vào sổ cấp GCN: CS 09039. Theo thỏa thuận này, tài sản trên thuộc quyền sở hữu của ông. Ngày 18/03/2022, ông nộp hồ sơ xin đăng ký biến động điều chỉnh chủ tài sản tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ một cửa Thành phố T và đã được cấp phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận (liên 2), nộp ngày 18/03/2022, hẹn ngày nhận kết quả ngày 01/04/2022.

Ngày 28/03/2022, bộ phận một cửa mới chuyển hồ sơ cho Chi cục thuế thành phố T để Chi cục thuế tính thuế (thuế thu nhập cá nhân và thuế trước bạ). Ngày 13/04/2022, Chi cục thuế thành phố T thông báo thuế thu nhập cá nhân và thuế VAT bằng 0 đồng vì đây là tài sản phân chia của hai vợ chồng sau ly hôn. Do vậy, Cơ quan Thuế thành phố T đã chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T lúc 17h:15p:35s ngày 13/04/2022 và nhận vào ngày 14/04/2022.

Đến ngày 23/05/2022, ông mới nhận được kết quả của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T đối với hồ sơ đăng ký biến động nói trên. Từ ngày 14/04/2022 đến trước ngày 23/05/2022, ông đã nhiều lần liên hệ với chị H1 – nhân viên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T thì được trả lời căn nhà của ông hiện đang nợ tiền xử phạt của Đội Quản lý Đô thị Q cũ trước đây (nay là Đội Quản lý Đô thị thành phố T) với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) cho nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T chưa giải quyết hồ sơ đất đai nói trên cho ông, trong khi căn nhà của ông đã thi công và hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 11 năm 2015 và đã được hoàn công,

cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất vào tháng 2 năm 2016, trong quá trình thi công căn nhà này, ông không vi phạm xây dựng và không lần nào đội quản lý đô thị xuống kiểm tra, lập văn bản và bản thân gia đình ông từ 2016 đến nay cũng không nhận được bất kỳ một quyết định xử phạt nào về việc vi phạm xây dựng của căn nhà nói trên.

Sau khi có biên bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn và có phiếu nhận kết quả từ bộ phận một cửa vào ngày 01/04/2022 nên ngày 08/04/2022, ông đã đồng ý làm hợp đồng đặt cọc bán căn nhà nói trên với giá là 35.000.000.000 đồng (ba mươi lăm tỷ đồng) và nhận tiền đặt cọc 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) của Lê Hồng S, sinh năm:1971. CCCD: 038071003455, cấp ngày 10/07/2021 do cục Q1 cấp.

Theo hợp đồng đặt cọc ngày 08/04/2022 sau 30 ngày kể từ ngày đặt cọc (tức chậm nhất là ngày 08/05/2022 ông phải có đầy đủ thủ tục giấy tờ để chuyển nhượng căn nhà nói trên cho bên mua tại Văn phòng C, thành phố T đường Đ phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, trường hợp quá ngày 08/05/2022 vì bất cứ lý do nào, hoặc không hoàn thành các thủ tục giấy tờ để chuyển nhượng được tại phòng công chứng thì ông phải bồi thường gấp 2 lần số tiền cọc mà ông đã nhận từ ông S, tương đương là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) trong đó bao gồm số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) đặt cọc và 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) bồi thường thêm, nhưng thực tế đến quá ngày hẹn công chứng nói trên, Văn phòng Đ chi nhánh thành phố T vẫn chưa trả hồ sơ cập nhật biến động đối với nhà đất trên cho ông, nên buộc lòng ông phải năn nỉ ông S để ông S thông cảm và ông S cũng đồng ý chờ đợi thêm 10 ngày nữa tức đến ngày 18/ 05 /2022 là hạn chót, song đến ngày này, Văn phòng Đ – Chi nhánh thành phố T vẫn chưa thực hiện trả giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông. Do vậy, ông S không chấp nhận mua nữa và buộc ông phải trả lại tiền cọc cho ông S là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và bồi thường thêm 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), tổng cộng là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

Quá bức xúc nên ngày 23/05/2022 ông có làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Văn phòng Đ –Chi nhánh thành phố T. Ngày 07/07/2022, ông mới nhận được văn bản phúc đáp số 14703/CNTPTĐ, nhưng trong nội dung trả lời Văn phòng Đ - Chi nhánh thành phố T không đề cập đến 03 nội dung ông hỏi, nhất là việc ông phải trả 2.000.000.000 đồng (Hai tỉ đồng) tiền đặt cọc và thêm 2.000.000.000 đồng (Hai tỉ đồng) tiền bồi thường cọc, tổng là 4.000.000.000 (Bốn tỉ đồng) mà chỉ trả lời chung chung và có nhận lỗi, xin lỗi ông mong ông thông cảm. Nay tại Tòa, ông yêu cầu: Buộc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H phải bồi thường cho ông số tiền bồi thường tiền cọc là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) mà ông phải bồi thường cho ông S theo như hợp đồng đặt cọc ngày 08/04/2022.

Bị đơn Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H có ông Phạm Ngọc T2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Phía bị đơn xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm, nội dung

nộp hồ sơ đăng ký biến động của ông T là sự thật. Nay Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T vì lý do:

Quá trình thụ lý giải quyết hồ sơ, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T nhận thấy có thông tin trên hệ thống thể hiện 02 nội dung gồm biên bản số 1244/BB ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định số 1184/QĐ-XPVPHC ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thanh tra Sở xây dựng thành phố H liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đào Xuân T. Do đó, Chi nhánh thành phố T trích lục 02 Quyết định của Thanh tra Sở Xây dựng thành phố H số 487/QĐ-CCXP ngày 06 tháng 3 năm 2019 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1876/QĐ-SĐCCXP ngày 25 tháng 7 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với người bị cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là ông Đào Xuân T, nơi ở hiện tại: 21 Lô S, Khu dân cư G, phường P, Quận I (nay là thành phố T) thành phố Hồ Chí Minh để xác định sự việc này có liên quan đến hồ sơ cập nhật biến động này không.

Ngày 01/4/2022, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T có thư xin lỗi gửi ông Đào Xuân T qua đường bưu điện. Sau khi xử lý các thông tin có liên quan đến các Quyết định của Thanh tra Sở Xây dựng thành phố H. Ngày 29 tháng 4 năm 2022, Chi nhánh thành phố T đã đăng ký cập nhật biến động trên trang 3 Giấy chứng nhận số CC 984307. Ngày 23/5/2022, Văn phòng Đ – Chi nhánh thành phố T đã trả kết quả đăng ký cập nhật biến động cho ông Đào Xuân T.

Qua đơn khởi kiện của ông Đào Xuân T buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H phải bồi thường số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) mà ông phải bồi thường cho ông S theo hợp đồng đặt cọc ngày 08 tháng 4 năm 2022 do Chi nhánh thành phố T không thực hiện đúng hồ sơ xin đăng ký biến động. Chi nhánh thành phố T xét thấy không có cơ sở pháp lý. Mặt khác, tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc ngày 08/4/2022 giữa ông T và ông S thì nhà, đất trên chưa được cập nhật, đăng ký biến động nên Hợp đồng thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa ông Đào Xuân T và bà Nguyễn Thị H lập ngày 17/03/2022 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng 03676, về việc phân chia nhà đất số B T, KDC G, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh chưa có hiệu lực theo Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật đất đai nên ông S 01 mình đứng ra ký hợp đồng đặt cọc ngày 08/4/2022 là chưa phù hợp. Đồng thời, hợp đồng đặt cọc này cũng không được công chứng, chứng thực. Do đó, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân T là không có cơ sở.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 3583/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Đào Xuân T về việc yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Đào Xuân T có đơn kháng cáo toàn bản án dân sự sơ thẩm số 3583/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Đào Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm vụ án:

- Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đào Xuân T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 3583/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đào Xuân T làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đều thừa nhận vào ngày 18/3/2022 ông Đào Xuân T có nộp đơn tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ một cửa Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T để xin đăng ký biến động điều chỉnh chủ sở hữu tài sản theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn đối với nhà đất tại địa chỉ số: B T, KDC G, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nộp hồ sơ ông T nhận được giấy hẹn trả kết quả giải quyết vào ngày 01/4/2022.

Ông T cho rằng dựa vào giấy hẹn trả kết quả vào ngày 01/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên ngày 08/4/2022 ông đã chuyển nhượng nhà đất trên cho ông Lê Hồng S với giá là 35.000.000.000 (Ba mươi lăm tỷ) đồng, thông qua hình thức đặt cọc bằng giấy tay và đã nhận tiền đặt cọc từ ông S với số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng.

Trong hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng nhà, đất trên giữa ông T và ông S quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đặt cọc (Chậm nhất là ngày 08/5/2022) ông T phải hoàn tất đầy đủ thủ tục giấy tờ để chuyển nhượng nhà, đất trên cho ông S, nếu không sẽ bồi thường cho ông S số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng. Do Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T đến ngày 23/5/2022 mới trả kết quả cập nhật biên động cho ông T nên ông T phải bồi thường cho ông S số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng. Do đó, ông T yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T bồi thường lại cho ông số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng.

Xét, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ cập nhật biên động nhà đất cho ông T đã phát hiện thông tin trên hệ thống thể hiện hai nội dung gồm biên bản số 1244/BB ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định số 1184/QĐ-XPVPHC ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Thanh tra Sở xây dựng Thành phố H liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đào Xuân T. Do đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T trích lục 02 Quyết định của Thanh tra Sở Xây dựng thành phố H số 487/QĐ-CCXP ngày 06 tháng 3 năm 2019 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1876/QĐ-SĐCCXP ngày 25 tháng 7 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với người bị cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là ông Đào Xuân T, nơi ở hiện tại: 21 Lô S, Khu dân cư G, phường P, Quận I (nay là thành phố T) Thành phố Hồ Chí Minh để làm căn cứ cho việc cập nhật biên động nhà, đất cho ông T. Ngày 23/5/2022 Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T cũng đã trả kết quả cập nhật biên động cho ông T. Việc Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T giải quyết hồ sơ cho ông T không đúng như trong giấy hẹn là do yếu tố khách quan. Bên cạnh đó, theo hồ sơ thể hiện Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – Chi nhánh thành phố T hẹn trả kết quả cập nhật biên động nhà, đất cho ông vào ngày 01/4/2022. Tuy nhiên vì yếu tố khách quan nên chưa có kết quả nhưng đến ngày 08/4/2022 mặc dù giấy tờ nhà, đất chưa được cập nhật hoàn toàn cho ông T nhưng ông T vẫn chuyển nhượng thông qua hình thức đặt cọc bằng giấy tay cho ông S là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật và yêu cầu khởi kiện của ông T không thuộc sự điều chỉnh của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật bồi thường nhà nước.

Từ những phân tích và nhận định trên. Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 3583/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đào Xuân T là người cao tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí nên ông T không phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

H2 lại cho ông Đào Xuân T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là

36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006187 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 14/10/2022.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Xuân T là người cao tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLDS 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Đào Xuân T về việc: Yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Xuân T là người cao tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí nên ông T không phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

H2 lại cho ông Đào Xuân T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006187 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 14/10/2022.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Xuân T là người cao tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- TAND Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Đức;
- Cục THADS TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Việt Hồng